TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/DS-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thông;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 329/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H (B), sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn (bà H) trình bày:

Bà H và bà C có mối quan hệ quen biết, do bà C cần vay tiền để giúp bạn nên vào ngày 30/12/2020 bà C có đến nhà bà H vay số tiền 75.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết, tin tưởng nên bà H đồng ý cho bà C vay tiền. Nội dung giấy nợ là do bà C tự viết và ký tên, lăn tay xác nhận nợ, không ghi thời hạn thanh toán, không ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi là 2%/tháng, hẹn khi nào cần lấy lại tiền thì thông báo trước một thời gian. Tuy nhiên, bà C không trả lãi như thỏa thuận, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà C thanh toán nợ nhưng bà C không thực hiện. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán cho bà H hết số tiền nợ là 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 30/01/2021 đến ngày 29/6/2023 là 28 tháng với số tiền 21.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà H yêu cầu bà C thanh toán là 96.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu về tiền lãi, bà H yêu cầu lãi suất theo mức 0,83%/tháng tính từ ngày 30/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà H xác nhận tính đến thời điểm hiện nay thì ngoài số tiền này bà C không còn nợ bà H bất kỳ khoản tiền nào nữa.

Ngoài ra, nguyên đơn bà H không có yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn (bà C) trình bày:*

Giữa bà C và bà H là hàng xóm của nhau. Vào năm 2020, bà C nhiều lần mượn tiền của bà H, mỗi lần mượn tiền hai bên đều có viết giấy mượn tiền và giao cho bà H giữ. Bà C thừa nhận có vay của bà H số tiền 75.000.000 đồng vào ngày 30/12/2020 theo như giấy mượn tiền bà H khởi kiện, giấy mượn tiền do bà C viết và ký tên, ghi họ tên, lăn tay xác nhận. Bà C vay với lãi suất 60%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 4/2021 hoặc tháng 5/2021 (do bà C không nhớ rõ mốc thời gian cụ thể) thì bà C đã bán đất và trả cho bà H toàn bộ số tiền đã mượn tại nhiều giấy mượn tiền khác nhau trong đó có giấy mượn tiền ngày 30/12/2020 và 01 giấy nợ số tiền 90.000.000 đồng. Việc trả nợ này, bà C đã mang tiền giao trực tiếp tại nhà cho bà H mà không lập giấy tờ gì, bà C có lấy lại bản chính giấy mượn tiền nhưng chỉ lấy bản chính của giấy tổng toàn bộ số tiền mượn rồi xé bỏ mà không lấy bản chính giấy mượn tiền ngày 30/12/2020 vì nghĩ hai bên đều quen biết nhau. Do đó, bà C không có chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán cho bà H số tiền 75.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà C thanh toán tổng số tiền 96.000.000 đồng thì bà C không đồng ý. Vì bà C cho rằng tất cả các khoản tiền bà C nợ bà H đã được chốt lại bằng giấy nợ ngày 09/5/2023 với số tiền là 318.000.000 đồng, số tiền này bà H đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết bằng Quyết định số 68/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 và bà C đã nộp tiền thi hành án xong, bà C không còn nợ bà H số tiền nào khác. Bà C yêu cầu bà H giao lại cho bà C 01 bản chính giấy nợ số tiền 90.000.000 đồng vì bà C sợ sau này bà H sẽ lấy giấy nợ này để khởi kiện nữa.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về tư các tham gia tố tụng; các Điều từ 93 đến 97 về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gi tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đúng thành phần. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền 75.000.000 đồng và 21.000.000 đồng tiền lãi, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản), Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Bà C thừa nhận có ký nhận vay của bà H số tiền 75.000.000 đồng cùng với mức lãi suất 60%/tháng nhưng đã thanh toán vào khoảng tháng 4 năm 2021 nên bà C không đồng ý với yêu cầu của bà H. Ngoài lời khai thì bà C không có chứng cứ gì để chứng minh. Bà H và bà C đều thừa nhận hợp đồng vay có lãi nhưng các bên khai không thống nhất mức lãi suất. Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi, đây là tranh chấp dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà C ngụ tại ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Về pháp luật áp dụng: Các bên đương sự thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản năm 2020 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét chứng cứ là bản chính Giấy mượn tiền ngày 30/12/2020 do bà H cung cấp, thể hiện: Vào ngày 30/12/2020, bà C có mượn của bà H số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), không ghi thời hạn thanh toán, không ghi mức lãi suất, giấy mượn tiền này có nội dung một phần đánh máy, một phần ghi tay. Quá trình làm việc bà C thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền trên là của mình. Bà H, bà C đều thừa nhận hai bên có ký kết giấy mượn tiền ngày 30/12/2020. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015, đây là giao dịch dân sự không vi phạm quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C trình bày: Bà C thừa nhận vào năm 2020, bà C nhiều lần mượn tiền của bà H, mỗi lần mượn tiền hai bên đều có viết giấy mượn tiền và giao cho bà H giữ. Bà C thừa nhận có vay của bà H số tiền 75.000.000 đồng vào ngày 30/12/2020 theo như giấy mượn tiền bà H khởi kiện, giấy mượn tiền do bà C viết và ký tên, ghi họ tên, lăn tay xác nhận. Bà C vay với lãi suất 60%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 4/2021 hoặc tháng 5/2021 (do bà C không nhớ rõ mốc thời gian cụ thể) thì bà C đã bán đất và trả cho bà H toàn bộ số tiền đã mượn tại nhiều giấy mượn tiền khác nhau trong đó có giấy mượn tiền ngày 30/12/2020. Việc trả nợ này, bà C đã mang tiền giao trực tiếp tại nhà cho bà H mà không lập giấy tờ gì, bà C có lấy lại bản chính giấy mượn tiền nhưng chỉ lấy bản chính của giấy tổng toàn bộ số tiền mượn rồi xé bỏ mà không lấy bản chính giấy mượn tiền ngày 30/12/2020 vì nghĩ hai bên đều quen biết nhau. Do đó, bà C không có chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán cho bà H số tiền 75.000.000 đồng mượn ngày 30/12/2020. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà C thanh toán tổng số tiền 96.000.000 đồng thì bà C không đồng ý. Vì bà C cho rằng tất cả các khoản tiền bà C nợ bà H đã được chốt lại bằng giấy nợ ngày 09/5/2023 với số tiền là 318.000.000 đồng, số tiền này bà H đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết bằng Quyết định số 68/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 và bà C đã nộp tiền thi hành án xong, bà C không còn nợ bà H số tiền nào khác. Bà C yêu cầu bà H giao lại cho bà C 01 bản chính giấy nợ số tiền 90.000.000 đồng vì bà C sợ sau này bà H sẽ lấy giấy nợ này để khởi kiện nữa.

Xét thấy, bị đơn bà C thừa nhận ngày 30/12/2020 bà C có ký tên trên giấy mượn tiền ghi ngày 30/12/2020 để vay bà H số tiền 75.000.000 đồng, bà C cho rằng đã thanh toán hết cho bà H vào khoảng tháng 4 năm 2021 nhưng ngoài lời khai thì bà C không có chứng cứ gì để chứng minh. Bà H đã cung cấp được

chứng cứ là bản chính Giấy mượn tiền ngày 30/12/2020 nên yêu cầu cảu bà H là có căn cứ.

Bà C cho rằng tất cả các khoản tiền bà C nợ bà H đã được chốt lại bằng giấy nợ ngày 09/5/2023 với số tiền là 318.000.000 đồng, số tiền này bà H đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết bằng Quyết định số 68/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 và bà C đã nộp tiền thi hành án xong, bà C không còn nợ bà H số tiền nào khác. Tại phiên tòa, bà H cũng đã xác định: Tính đến thời điểm xét xử thì ngoài số tiền nợ 75.000.000 đồng này thì bà C không còn nợ bà H bất kỳ khoản tiền nào nữa và bà H cũng xác định không giữ giấy nợ gì của bà C nên bà C yêu cầu bà H giao lại cho bà C 01 bản chính giấy nợ số tiền 90.000.000 đồng là không có cơ sở.

Nội dung giấy mượn tiền ngày 30/12/2020, các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, như vậy các bên đã ký kết hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi suất quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Bà C thừa nhận trước khi khởi kiện, bà H có nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không đồng ý. Như vậy, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà H khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H và bà C đều thừa nhận hợp đồng vay có lãi nhưng các bên khai không thống nhất mức lãi suất, bà H yêu cầu bà C thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 30/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32 tháng 14 ngày với số tiền 20.210.500 đồng, yêu cầu tiền lãi của bà H là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà C phải thanh toán cho bà H là 95.210.500 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 95.210.500 đồng (chín mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009114 ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 4.760.525 đồng (bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2023)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng